



VMPACK

**Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NĂM 2015**

**TP.HCM tháng 4 năm 2015**

## **MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	1
Bảng cân đối kế toán	2 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 29
Phụ lục	30 - 33

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>148.036.388.554</b>	<b>122.398.574.593</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>52.336.873.911</b>	<b>37.126.270.989</b>
1. Tiền	111		42.336.873.911	27.126.270.989
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.214.896.059</b>	<b>54.014.615.861</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	41.000.039.840	37.754.683.105
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.279.048.200	16.380.936.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		228.737.207	171.925.944
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(292.929.188)	(292.929.188)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>30.285.268.584</b>	<b>31.207.850.243</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	32.261.901.750	33.034.483.409
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.5	(1.976.633.166)	(1.826.633.166)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>199.350.000</b>	<b>49.837.500</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		199.350.000	49.837.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.6	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>107.165.349.403</b>	<b>113.164.428.155</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>106.777.969.789</b>	<b>113.164.428.155</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	100.741.077.244	106.944.111.856
<i>Nguyên giá</i>	222		174.913.614.847	180.838.460.227
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(74.172.537.603)	(73.894.348.371)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	6.036.892.545	6.084.540.337
<i>Nguyên giá</i>	228		7.971.430.510	7.971.430.510
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.934.537.965)	(1.886.890.173)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1. Nguyên giá	231		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>387.379.614</b>	<b>135.775.962</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		387.379.614	135.775.962
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>255.201.737.957</b>	<b>235.563.002.748</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>79.150.811.419</b>	<b>66.763.340.900</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68.203.589.419</b>	<b>55.816.118.900</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	26.940.663.998	22.039.466.503
2. Người mua trả tiền trước	312	V.10	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.355.922.657	1.532.815.615
4. Phải trả người lao động	314	V.11	2.773.801.000	3.539.634.847
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	825.112.347	657.880.615
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.13	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	357.679.711	395.138.200
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		32.114.984.530	24.607.409.944
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.835.425.176	3.043.773.176
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.947.222.000</b>	<b>10.947.222.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		10.947.222.000	10.947.222.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>176.050.926.538</b>	<b>168.799.661.848</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>176.050.926.538</b>	<b>168.799.661.848</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	493.885.000	493.885.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.16	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.16	4.559.618.145	4.559.618.145
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.16	(6.831.972)	(6.831.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	15.360.212.862	15.360.212.862
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	75.644.042.503	68.392.777.813
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		68.392.777.813	20.542.197.362
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.251.264.690	47.850.580.451
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>255.201.737.957</b>	<b>235.563.002.748</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2015



Nguyễn Thị Chuyên  
Người lập biểu



Hoàng B. Chinh  
Kế toán trưởng




Lê Hoàng Vũ  
Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****( Dạng đầy đủ )  
QUÝ I NĂM 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý I năm 2015		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	79.672.067.616	62.286.942.628	79.672.067.616	62.286.942.628
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.1	9.779.600	9.798.300	9.779.600	9.798.300
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.1	79.662.288.016	62.277.144.328	79.662.288.016	62.277.144.328
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.2	63.497.828.667	53.950.345.499	63.497.828.667	53.950.345.499
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	16.164.459.349	8.326.798.829	16.164.459.349	8.326.798.829
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.3	170.832.050	179.973.305	170.832.050	179.973.305
7. Chi phí tài chính	22 VI.4	370.714.934	246.724.008	370.714.934	246.724.008
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<i>370.714.934</i>	<i>218.872.914</i>	<i>370.714.934</i>	<i>218.872.914</i>
8. Chi phí bán hàng	24 VI.5	4.492.069.800	2.441.967.488	4.492.069.800	2.441.967.488
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.6	2.944.662.803	2.487.804.838	2.944.662.803	2.487.804.838
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	8.527.843.862	3.330.275.800	8.527.843.862	3.330.275.800
11. Thu nhập khác	31	2.975.013.970	-	2.975.013.970	-
12. Chi phí khác	32 VI.7	2.920.647.612	-	2.920.647.612	-
13. Lợi nhuận khác	40	54.366.358	-	54.366.358	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.582.210.220	3.330.275.800	8.582.210.220	3.330.275.800
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 V.13	1.330.945.530	269.922.705	1.330.945.530	269.922.705
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>7.251.264.690</u>	<u>3.060.353.095</u>	<u>7.251.264.690</u>	<u>3.060.353.095</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.8	906	383	906	383
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71 VI.8	906	383	906	383

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2015


Nguyễn Thị Chuyên  
Người lập biểu

Hoàng Bá Chính  
Kế toán trưởngLê Hoàng Vũ  
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

( Dạng đầy đủ )

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ I NĂM 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.582.210.220	3.330.275.800
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	V.7, V.8	3.330.034.792	2.776.874.408
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.5	150.000.000	387.786.319
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7, VI.8	(162.977.388)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	370.714.934	218.872.914
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.269.982.558	6.713.809.441
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.078.768.002	612.883.848
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		772.581.659	3.194.064.945
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.485.826.981	(21.987.556.545)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(149.512.500)	49.837.493
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(370.714.934)	(218.872.914)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.11	(728.528.578)	(730.450.202)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(208.348.000)	(214.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>29.150.055.188</b>	<b>(12.580.483.934)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(24.530.651.852)	(10.044.916.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	2.975.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		108.625.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(21.447.026.852)</b>	<b>(10.044.916.182)</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.9	27.111.405.197	37.081.263.173
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.9	(19.603.830.611)	(27.854.398.076)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.507.574.586</b>	<b>9.226.865.097</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>15.210.602.922</b>	<b>(13.398.535.019)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>37.126.270.989</b>	<b>54.831.980.584</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>52.336.873.911</b>	<b>41.433.445.565</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2015


Nguyễn Thị Chuyên  
Người lập biểu

Hoàng Bá Chính  
Kế toán trưởngLê Hoàng Vũ  
Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 1 Năm 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán bao bì cho ngành thực phẩm; Mua bán vật tư nguyên liệu ngành bao bì.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
5. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 Công ty có 239 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 236 nhân viên).
6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Doanh thu và lợi nhuận quý 1/2015 đều tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước là do sản lượng hàng hóa tiêu thụ tăng.
7. **Cấu trúc doanh nghiệp**
  - Tổng Công ty Công nghiệp dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ Phần là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Thực .
  - Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật - Nhà máy Bao bì Bình Dương được thành lập từ ngày 19/11/2014 đang trong giai đoạn xây dựng.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính .

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 46
Máy móc và thiết bị	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 20

### 6. Tài sản thuê hoạt động

#### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (49 năm).

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### 10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### 11. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### 12. Nguồn vốn kinh doanh

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo	05%

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

triển	chiều sâu của Công ty	
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	05%

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.380 VND/USD  
31/03/2015 : 21.570 VND/USD

### **17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **18. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Công ty chỉ gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu.

#### ***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu là tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	243.634.584	288.717.073
Tiền gửi ngân hàng	42.093.239.327	26.837.553.916
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>52.336.873.911</u></b>	<b><u>37.126.270.989</u></b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.

#### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các bên liên quan	2.397.859.673	1.423.788.055
Công ty ngành Sữa	27.918.280.791	24.867.055.667
Các khách hàng khác	36.330.895.050	11.463.839.383
<b>Cộng</b>	<b><u>41.000.039.840</u></b>	<b><u>37.754.683.105</u></b>

#### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân	23.003.323.200	16.380.936.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Uyên		
Công ty Cổ Phần tư vấn thiết kế Đầu tư XD		
Hợp Phát	1.275.725.000	-
Các nhà cung cấp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>24.279.048.200</u></b>	<b><u>16.380.936.000</u></b>
<b>4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	156.592.863	156.592.863
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	74.421.241	74.421.241
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	61.915.084	61.915.084
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>292.929.188</u></b>	<b><u>292.929.188</u></b>
Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:		
Số đầu năm	292.929.188	
Trích lập dự phòng bổ sung	-	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>292.929.188</u></b>	
<b>5. Hàng tồn kho</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	25.522.161.686	27.914.659.102
Công cụ, dụng cụ	96.000.000	96.000.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.437.500.957	765.317.634
Thành phẩm	4.132.312.906	4.136.301.046
Hàng hóa	73.926.201	122.205.627
<b>Cộng</b>	<b><u>32.261.901.750</u></b>	<b><u>33.034.483.409</u></b>
<b>6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>		
Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và thành phẩm tồn kho.		
Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:		
Số đầu năm	1.826.633.166	
Trích lập dự phòng	150.000.000	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.976.633.166</u></b>	
<b>7. Tài sản dở dang dài hạn</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí XDCB dở dang dài hạn	387.379.614	135.775.962
<b>Cộng</b>	<b><u>387.379.614</u></b>	<b><u>135.775.962</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	199.350.000	49.837.500
<b>Cộng</b>	<b>199.350.000</b>	<b>49.837.500</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	21.220.549.607	152.443.595.353	4.592.596.367	721.303.650	1.860.415.250	180.838.460.227
Mua sắm mới	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.924.845.380)	-	-	-	(5.924.845.380)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>21.220.549.607</b>	<b>146.518.749.973</b>	<b>4.592.596.367</b>	<b>721.303.650</b>	<b>1.860.415.250</b>	<b>174.913.614.847</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	147.957.591	191.809.270	774.243.433	760.150.155	57.162.942	1.931.323.391
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	5.161.535.609	64.746.151.801	2.686.377.622	639.291.894	660.991.445	73.894.348.371
Khấu hao trong kỳ	150.572.622	2.987.143.203	108.344.199	10.506.293	25.820.683	3.282.387.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.004.197.768)	-	-	-	(3.004.197.768)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.312.108.231</b>	<b>64.729.097.236</b>	<b>2.794.721.821</b>	<b>649.798.187</b>	<b>686.812.128</b>	<b>74.172.537.603</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	16.059.013.998	87.697.443.552	1.906.218.745	82.011.756	1.199.423.805	106.944.111.856
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>15.908.441.376</b>	<b>81.789.652.737</b>	<b>1.797.874.546</b>	<b>71.505.463</b>	<b>1.173.603.122</b>	<b>100.741.077.244</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 99.537.766.166 VND và 57.360.058.157 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam).

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.152.082.020	819.348.490	7.971.430.510

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.152.082.020</b>	<b>819.348.490</b>	<b>7.971.430.510</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	636.934.530	636.934.530
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.070.581.896	816.308.277	1.886.890.173
Khấu hao trong kỳ	44.607.579	3.040.213	47.647.790
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.115.189.475</b>	<b>819.348.490</b>	<b>1.934.537.965</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	6.081.500.124	3.040.213	6.084.540.337
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.036.892.545</b>	<b>-</b>	<b>6.036.892.545</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**11. Vay và nợ thuê tài chính**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>32.114.984.530</b>	<b>24.607.409.944</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(a)</sup>	24.931.781.360	18.175.355.084
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam)	2.476.494.240	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam <sup>(b)</sup>	4.706.708.930	6.432.054.860
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>10.947.222.000</b>	<b>10.947.222.000</b>
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(a)</sup>	10.947.222.000	10.947.222.000
<b>Cộng</b>	<b>43.062.206.530</b>	<b>35.554.631.944</b>

<sup>(a)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.7) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8).

<sup>(b)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định cụ thể là máy in 6 màu Model S-1227 TV (xem thuyết minh số V.7).

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:**

Số đầu năm	35.554.631.944
------------	----------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số tiền vay phát sinh	27.111.405.197			
Số tiền vay đã trả	(19.603.830.611)			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>43.062.206.530</b>			
<b>12. Phải trả người bán</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>	
Các nhà cung cấp trong nước	26.940.663.998		22.039.466.503	
Các nhà cung cấp nước ngoài	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>26.940.663.998</b>		<b>22.039.466.503</b>	
<b>13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	
	<b>Số đầu năm</b>		<b>Số cuối kỳ</b>	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	763.198.403	2.641.023.923	(2.451.266.753)	952.955.573
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.025.505.436	(1.025.505.436)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	728.528.578	1.330.945.530	(728.528.578)	1.330.945.530
Thuế thu nhập cá nhân	41.088.634	263.005.129	(232.072.209)	72.021.554
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.532.815.615</b>	<b>5.264.480.018</b>	<b>(4.441.372.976)</b>	<b>2.355.922.657</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6489/UB-CNN ngày 12 tháng 12 năm 2003 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (năm 2004), được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (năm 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Từ năm 2015 doanh nghiệp chỉ còn được hưởng ưu đãi về thuế suất là 15%

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.582.210.220	3.330.275.800
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	242.930.000	
- Các khoản điều chỉnh tăng	242.930.000	57.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.825.140.220</b>	<b>3.387.275.800</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	8.722.647.401	3.277.779.107
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	102.492.819	109.496.693

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	1.330.945.530	515.756.139
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	-	(245.833.433)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước</i>	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b><u>1.330.945.530</u></b>	<b><u>269.922.705</u></b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn lại phải trả công nhân viên.

**15. Chi phí phải trả**

Chi phí dịch vụ phải trả.

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	31.376.059	15.065.987
Kinh phí công đoàn	30.451.352	28.718.612
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	93.141.300	93.141.300
Các khoản phải trả khác	202.711.000	258.212.301
<b>Cộng</b>	<b><u>357.679.711</u></b>	<b><u>395.138.200</u></b>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.930.350.540	-	(174.648.000)	1.755.702.540
Quỹ phúc lợi	1.113.422.636	-	(33.700.000)	1.079.722.636
<b>Cộng</b>	<b><u>3.043.773.176</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(208.348.000)</u></b>	<b><u>2.835.425.176</u></b>

**18. Vay dài hạn****Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:**

Số đầu năm	10.947.222.000
Số tiền vay phát sinh	-
Số tiền vay đã trả	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>10.947.222.000</u></b>

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để xây dựng dự án nhà máy sản xuất bao bì giấy carton tại KCN Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng toàn bộ tài sản của dự án hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Công ty.

**19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 30.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	632	632
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	632	632
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.368	7.999.368
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.999.368	7.999.368
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán****Tài sản nhận giữ hộ:** Tồn hạt nhựa nhận gia công chai nhựa tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 8.025,47kg hạt nhựa Papet Cool tương đương 167.786.605 VND.**Ngoại tệ:** Tồn tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 21.128,09USD tương đương 455.732.901 VND.**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	79.672.067.616	62.286.942.628
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	830.211.570	1.948.206.250
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	77.518.292.846	59.050.203.228
<i>Doanh thu khác</i>	1.323.563.200	1.278.734.850
Các khoản giảm trừ doanh thu (hàng bán trả lại)	(9.779.600)	(9.798.300)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>79.662.288.016</b>	<b>62.277.144.328</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	830.211.570	1.948.206.250
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	77.508.513.246	59.060.001.528
<i>Doanh thu thuần khác</i>	1.323.563.200	1.278.734.850

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa	602.540.326	1.706.288.105
Giá vốn của thành phẩm <sup>(1)</sup>	61.428.022.910	50.615.858.856
Giá vốn khác	1.317.265.431	1.278.311.439
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	150.000.000	349.887.099
<b>Cộng</b>	<b>63.497.828.667</b>	<b>53.950.345.499</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	108.625.000	85.555.556
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	62.207.050	94.417.749
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>170.832.050</u></b>	<b><u>179.973.305</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	370.714.934	218.872.914
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	27.851.094
<b>Cộng</b>	<b><u>370.714.934</u></b>	<b><u>246.724.008</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	421.113.860	381.317.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.734.535.940	1.288.460.052
Chi phí khác	1.336.420.000	772.190.036
<b>Cộng</b>	<b><u>4.492.069.800</u></b>	<b><u>2.441.967.488</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.314.592.160	1.064.585.320
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.221.106	161.398.010
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	421.330.251	392.618.918
Chi phí khác	1.033.519.286	869.202.590
<b>Cộng</b>	<b><u>2.944.662.803</u></b>	<b><u>2.487.804.838</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.975.000.000	-
Thu nhập khác	13.970	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.975.013.970</u></b>	<b><u>-</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	2.920.647.612	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	164.913.762
Chi phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.920.647.612</u></b>	<b><u>164.913.762</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.251.264.690	3.060.353.095
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.251.264.690	3.060.353.095
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.999.368	7.999.368
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>906</b>	<b>383</b>

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.018.124.609	38.317.743.077
Chi phí nhân công	7.461.068.509	5.921.168.624
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.330.034.792	2.776.874.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.242.643.334	2.580.009.011
Chi phí khác	4.858.133.717	3.117.444.559
<b>Cộng</b>	<b>69.910.004.961</b>	<b>52.713.239.679</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Trong kỳ, Công ty đã ứng trước tiền thuê đất là 23.003.323.200 VND (năm trước Cty đã ứng trước tiền thuê đất là 16.380.936.000 VND).

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong kỳ là 417.000.000 VND (số năm trước là 357.000.000 VND).

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### **Bên liên quan**

Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam  
– Công ty Cổ phần

#### **Mối quan hệ**

Cổ đông chiếm 44,16% vốn điều lệ



## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần dầu thực vật Tân Bình	Cổ đông và là công ty liên kết của Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam
Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An	Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam
Công ty cổ phần thương mại dầu thực vật	Cổ đông và là công ty con của Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần</b>		
Bán hàng	1.703.455.170	1.153.484.050
<b>Công ty cổ phần dầu thực vật Tân Bình</b>		
Bán hàng	2.866.007.320	2.866.007.320
<b>Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An</b>		
Bán hàng	1.633.123.770	1.491.344.850
<b>Công ty cổ phần thương mại dầu thực vật</b>		
Bán hàng	15.400.000	44.700.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tổng Công ty công nghiệp dầu thực vật Việt Nam</b>		
Tiền hàng phải thu	871.454.463	-
<b>Công ty cổ phần dầu thực vật Tân Bình</b>		
Tiền hàng phải thu	889.169.490	848.986.710
<b>Công ty cổ phần dầu thực vật Tường An</b>		
Tiền hàng phải thu	637.235.720	574.801.345
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>2.397.859.673</b>	<b>1.707.783.330</b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá bán do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

### Lĩnh vực kinh doanh

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất thùng carton;
- Lĩnh vực sản xuất chai nhựa pet;
- Lĩnh vực sản xuất nắp, nút;
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 31 đến trang 33.

#### *Khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Thuê hoạt động

#### *Các hợp đồng đi thuê*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền phí duy tu cơ sở hạ tầng và phí tiện ích công cộng tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	1.245.879.426	1.245.879.426
Trên 01 năm đến 05 năm	4.983.517.706	4.983.517.706
Trên 05 năm	48.095.570.182	48.407.040.038
<b>Cộng</b>	<b><u>54.324.967.314</u></b>	<b><u>54.636.437.170</u></b>

Bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng thuê đất số 29/HĐTĐ ngày 05 tháng 12 năm 2002 ký với Công ty TNHH đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Tân Thới Hiệp và theo thông báo số 59/CV-TTH.11 ngày 07 tháng 12 năm 2011 Công ty phải trả phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng và phí tiện ích công cộng là 10.510 VND/m<sup>2</sup>/năm cho đến ngày 05 tháng 12 năm 2048.

Hợp đồng thuê lại đất số 023/NTC2- VMP ngày 22 tháng 10 năm 2014 ký với Công ty cổ phần Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên, Công ty phải trả tiền thuê đất và phí quản lý từ 22 tháng 10 năm 2014 đến 06 tháng 05 năm 2059 với tổng chi phí thuê là 2.340.000 USD cho cả thời hạn thuê.

### 4. Quản lý rủi ro tài chính

#### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.336.873.911	-	-	-	52.336.873.911
Phải thu khách hàng	40.240.771.027	-	-	759.268.813	41.000.039.840
Các khoản phải thu khác	100.000.000	-	-	-	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>92.677.644.938</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>759.268.813</b>	<b>93.436.913.751</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.126.270.989	-	-	-	37.126.270.989
Phải thu khách hàng	36.995.414.292	-	-	759.268.813	37.754.683.105
Các khoản phải thu khác	100.000.000	-	-	-	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>74.221.685.281</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>759.268.813</b>	<b>74.980.954.094</b>

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	32.114.984.530	-	10.947.222.000	43.062.206.530
Phải trả cho người bán	26.940.663.998	-	-	26.940.663.998

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
Các khoản phải trả khác	1.182.792.058	-	-	1.182.792.058
<b>Cộng</b>	<b>60.596.120.297</b>	<b>-</b>	<b>10.947.222.000</b>	<b>71.543.342.297</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	24.607.409.944	-	10.947.222.000	35.554.631.944
Phải trả cho người bán	22.039.466.503	-	-	22.039.466.503
Các khoản phải trả khác	1.009.234.216	-	-	1.009.234.216
<b>Cộng</b>	<b>47.656.110.663</b>	<b>-</b>	<b>10.947.222.000</b>	<b>58.603.332.663</b>

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 03 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

	<b>Số cuối kỳ (USD)</b>	<b>Số đầu năm (USD)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.128.09	21.122,81
Phải trả người bán	-	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>21.128.09</b>	<b>21.122,81</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

	<u>Số cuối kỳ (VND)</u>	<u>Số đầu năm (VND)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
Vay và nợ	(43.062.206.530)	(35.554.631.944)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>(33.062.206.530)</b>	<b>(25.554.631.944)</b>

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có giá trị nhỏ.

#### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### *Tài sản đảm bảo*

##### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 Công ty thế chấp các khoản phải thu khách hàng với giá trị là 41.000.039.840 VND để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

##### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 03 năm 2014.

## 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### *Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.336.873.911	-	37.126.270.989	-	52.336.873.911	37.126.270.989
Phải thu khách hàng	41.000.039.840	(292.929.188)	37.754.683.105	(292.929.188)	40.707.110.652	37.461.753.917
Các khoản phải thu khác	100.000.000	-	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>93.436.913.751</b>	<b>(292.929.188)</b>	<b>74.980.954.094</b>	<b>(292.929.188)</b>	<b>93.143.984.563</b>	<b>74.688.024.906</b>

### *Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	43.062.206.530	35.554.631.944	43.062.206.530
Phải trả người bán	26.940.663.998	22.039.466.503	26.940.663.998	22.039.466.503
Các khoản phải trả khác	1.182.792.058	1.009.234.216	1.182.792.058	1.009.234.216
<b>Cộng</b>	<b>71.543.342.297</b>	<b>58.603.332.663</b>	<b>71.543.342.297</b>	<b>47.656.110.663</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2015



**Nguyễn Thị Chuyên**  
Người lập biểu



**Hoàng Bá Chính**  
Kế toán trưởng



**Lê Hoàng Vũ**  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.


**Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	493.885.000	2.362.399.683	(6.831.972)	10.092.145.455	71.635.888.081	164.577.486.247
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.197.218.462	-	5.268.067.407	(9.662.504.331)	(2.197.218.462)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	23.485.765.756	23.485.765.756
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(15.998.736.000)	(15.998.736.000)
Chi thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(1.067.635.693)	(1.067.635.693)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>493.885.000</b>	<b>4.559.618.145</b>	<b>(6.831.972)</b>	<b>15.360.212.862</b>	<b>68.392.777.813</b>	<b>168.799.661.848</b>
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	493.885.000	4.559.618.145	(6.831.972)	15.360.212.862	68.392.777.813	168.799.661.848
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	7.251.264.690	7.251.264.690
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>493.885.000</b>	<b>4.559.618.145</b>	<b>(6.831.972)</b>	<b>15.360.212.862</b>	<b>75.644.042.503</b>	<b>176.050.926.538</b>


Nguyễn Thị Chuyên  
Người lập biểu

Hoàng Bá Chính  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2015

  
Lê Hoàng Vũ  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

**Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Thùng carton</u>	<u>Chai nhựa pet</u>	<u>Nắp, nút</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	71.556.340.452	5.241.803.490	1.540.580.874	1.323.563.200	79.662.288.016
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>71.556.340.452</b>	<b>5.241.803.490</b>	<b>1.540.580.874</b>	<b>1.323.563.200</b>	<b>79.662.288.016</b>
Chi phí bộ phận	56.840.853.600	3.603.719.182	1.735.990.454	1.317.265.431	63.497.828.667
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.715.486.852	1.638.084.308	(195.409.580)	6.297.769	16.164.459.349
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(7.436.732.603)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					8.727.726.746
Doanh thu hoạt động tài chính					170.832.050
Chi phí tài chính					(370.714.934)
Thu nhập khác					2.975.013.970
Chi phí khác					(2.920.647.612)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.330.945.530)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>7.251.264.690</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.070.167.634</b>	<b>666.193.104</b>	<b>418.452.948</b>	<b>-</b>	<b>3.154.813.686</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

**Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****Năm trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	56.159.110.232	3.014.096.038	1.825.203.208	1.278.734.850	62.277.144.328
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>56.159.110.232</b>	<b>3.014.096.038</b>	<b>1.825.203.208</b>	<b>1.278.734.850</b>	<b>62.277.144.328</b>
Chi phí bộ phận	47.727.605.676	3.016.070.017	1.924.594.959	1.282.074.847	53.950.345.499
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.431.504.556	(1.973.979)	(99.391.751)	(3.339.997)	8.326.798.829
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(4.934.087.305)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					3.392.711.524
Doanh thu hoạt động tài chính					179.973.305
Chi phí tài chính					(242.409.029)
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(269.922.705)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>3.060.353.095</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.515.183.303</b>	<b>673.885.602</b>	<b>426.407.493</b>	<b>-</b>	<b>2.615.476.398</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>


Nguyễn Thị Chuyên  
Người lập biểu

Hoàng Bà Chinh  
Kế toán trưởngLê Hoàng Vũ  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT**

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015.

**Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Thùng carton</u>	<u>Chai nhựa pet</u>	<u>Nắp, nút</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận.	76.277.114.423	11.777.926.857	7.982.852.638	-	96.037.893.918
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					159.163.844.039
<b>Tổng tài sản</b>					<b>255.201.737.957</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					79.150.811.419
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>79.150.811.419</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	81.267.929.669	12.444.119.961	8.401.305.586	-	102.113.355.216
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					133.449.647.532
<b>Tổng tài sản</b>					<b>235.563.002.748</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					66.763.340.900
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>66.763.340.900</b>


Nguyễn Thị Chuyên  
Người lập biểu

Hoàng Bá Chinh  
Kế toán trưởngLê Hoàng Vũ  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2015

